

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

Số: 70 /2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngũ Hành Sơn, ngày 12 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Ông Trần H - sinh năm: 1986. Trú tại: Tổ 88, phường K, quận Ng, TP Đà Nẵng.

* Bà Lê Thị H- sinh năm: 1989. Trú tại: Tổ 88, phường K, quận Ng, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H và bà Lê Thị H kết hôn năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận Ng, TP. Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, suy nghĩ và cư xử lại trái ngược nhau

nên thường xuyên xích mích, cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tuy nhiên không được. Nay ông H và bà H xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông H và bà H xác định không có.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà H tự giải quyết không yêu cầu tòa án can thiệp nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Ông H và bà H xác định không có.

[5] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng ông H và bà H mỗi người chịu 1/2 là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009539 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Ông H và bà H tự giải quyết không yêu cầu tòa án can thiệp.

- Về nợ chung: Ông H và bà H xác định không có

5. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng ông H và bà H mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009539 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn,
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2015,
quyển số 01/2015, đăng ký ngày 13/07/2015).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đã ký

LƯƠNG THỊ ANH